

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 129/2024/DS-ST.

Ngày 08-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Diệu H.
- Bà Lê Thị T.

Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Ngọc P**, sinh năm 1987,
Địa chỉ: xã A, huyện Ph, tỉnh Tr.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Văn Ph, sinh năm 1964, địa chỉ: Phường B, quận TB, Thành phố H là người đại diện ủy quyền. (Giấy ủy quyền có công chứng số 005963, quyền số 11/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 20/11/2023 của Văn phòng công chứng D, Thành phố H và Giấy ủy quyền ngày 20/11/2023 của Công ty Luật TNHH M). (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Phương Hồng Y**, sinh năm 1996,
Địa chỉ: phường Đ, quận T, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: phường Đ, quận T, Thành phố H. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Cao Văn A**, sinh năm 1990,
Địa chỉ: xã A, huyện Ph, tỉnh Tr. Địa chỉ liên lạc: phường Đ, quận T, Thành phố. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Huỳnh Ngọc P, có ông Hồ Văn Ph đại diện ủy quyền, trình bày: Do có quan hệ họ hàng, quen biết nên bà Huỳnh Ngọc P có cho bà Nguyễn Phương Hồng Y vay tiền để cho vay lại để lấy chênh lệch nên đôi bên có trao đổi qua điện thoại và thỏa thuận về việc vay tiền. Theo thỏa thuận, ngày 21/11/2022, bà P đã cho bà Y vay lần đầu tiên với số tiền 50.000.000 đồng và thực hiện các lệnh chuyển tiền tiếp theo cho đến lần chuyển cuối cùng là ngày 23/7/2023 với 40 lần chuyển tiền, tổng số tiền là 1.209.800.000 đồng (có sao kê đính kèm). Qua làm việc với bà Y, bà P xác định số tiền mà bà Y còn nợ là 500.000.000 đồng. Do đó, bà P yêu cầu bà Y phải trả số tiền vay còn nợ là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Phương Hồng Y, trình bày: Bà với bà P có quen biết, bà P là bà con xa bên chồng của bà nên bà P có ý muốn cho bà vay tiền để bà cho vay lại kiếm lời. Thời gian đầu, bà vay tiền của bà P với mức lãi suất là 8%/tháng, sau đó là 10%/tháng, 15%/tháng, 20%/tháng và có lúc tăng lên 30%/tháng. Khi làm ăn với bà P, bà thường xuyên trả lãi và nợ gốc cho bà P. Sau đó thì bà P có ngổ ý là gửi hết tiền cho bà để hùn và có thêm lời nhưng một thời gian sau do bà trả lãi trễ nên bà P nói cần lấy lại tiền. Trong lúc khó khăn nhưng bà P liên tục nhắn tin hối thúc trả tiền nên giữa đôi bên có mâu thuẫn và không chốt được số tiền vốn gốc. Lúc đầu bà P có yêu cầu trả cả nợ gốc và lãi là 670.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý, yêu cầu bà P tính lại là 520.000.000 đồng và yêu cầu sẽ trừ ra số tiền 49.750.000 đồng là tiền bà đã mua điện thoại và đóng hụi giúp bà P. Bà có xin bà P cho thời gian để đi làm trả nợ. Qua buổi làm việc với đại diện ủy quyền của bà P, bà xác định số tiền còn nợ bà P là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Bà xin trả số tiền nợ trên cho bà P trong thời hạn 06 (sáu) năm và trả theo khả năng, mỗi tháng trả từ 01 đến 02 triệu đồng, đến khi bà ổn định lại kinh tế sẽ trả tăng lên.

Ông Cao Văn A, trình bày: Ông với bà P là chỗ quen biết, do trước đây, bà P có cho người khác vay nhưng không thu được tiền vốn và lãi nên có nhờ ông thỏa thuận giải quyết và ông đã thu được vốn và lãi cho bà P. Vì vậy, bà P có ngổ ý cho ông vay tiền để cho người khác vay kiếm lời nhưng ông đã kiên quyết không đồng ý. Sau đó, bà P với vợ ông là bà Y đã thỏa thuận cho vay tiền với nhau nhưng không cho ông biết. Đến khi giữa bà P với bà Y xảy ra tranh chấp về việc vay tiền thì ông mới biết sự việc. Ông khẳng định giữa bà P với vợ ông là bà Y khi làm ăn, vay mượn tiền của nhau thì ông không biết. Ông khẳng định không liên quan gì trong việc cho vay tiền và làm ăn giữa bà P với bà Y.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thực hiện triệu tập ông Thái Văn Đ là chồng của bà Huỳnh Ngọc P để xác định yêu cầu của ông Đ đối với số tiền mà bà P đã cho bà Y vay nhưng ông Đ đã có Đơn từ chối tham gia tố tụng (Đơn có chứng thực số 98, quyền số 01/2024-SCT/CK,ĐC ngày 04/3/2024 của Văn phòng Công chứng TP, tỉnh Tr), cho rằng số tiền mà vợ ông cho bà Y vay là tài sản riêng của bà P nên không có ý kiến hay yêu cầu gì và từ chối tham gia tố tụng ở tất cả các giai đoạn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án xác định ông Đ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ nên không đưa ông Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp vay tài sản giữa bà P với bà Y.

Tại phiên tòa:

* Bà Huỳnh Ngọc P, có ông Hồ Văn Ph đại diện ủy quyền vẫn giữ ý kiến cho rằng số tiền mà bà P cho bà Y vay là tài sản riêng của bà P và cho riêng cá nhân bà Y vay nên bà P yêu cầu cá nhân bà Y phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã vay. Bà P xác định số tiền bà Y còn nợ 500.000.000 đồng và giữ yêu cầu buộc bà Y phải trả số tiền vay còn nợ là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Bà Nguyễn Phương Hồng Y vẫn giữ ý kiến: Bà xác định có vay tiền và còn nợ của bà P số tiền là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Bà xin trả số tiền nợ trên cho bà P trong thời hạn 06 (sáu) năm và trả theo khả năng, mỗi tháng trả từ 01 đến 02 triệu đồng, đến khi bà ổn định lại kinh tế sẽ trả tăng lên và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Ông Cao Văn A, vẫn giữ ý kiến là không biết việc vay tiền giữa vợ ông là bà Y với bà P và ông chỉ biết được khi giữa đôi bên có xảy ra tranh chấp việc vay tiền. Ông khẳng định không liên quan gì trong việc cho vay tiền giữa bà P với bà Y và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn, bà Nguyễn Phương Hồng Y hiện có địa chỉ cư trú tại phường Đ, quận T, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

[1.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thực hiện triệu tập ông Thái Văn Đ là chồng của bà Huỳnh Ngọc P để xác định yêu cầu của ông Đ đối với số tiền mà bà P đã cho bà Y vay nhưng ông Đ đã có Đơn từ chối tham gia tố tụng (Đơn có chứng thực số 98, quyển số 01/2024-SCT/CK,ĐC ngày 04/3/2024 của Văn phòng Công chứng TP, tỉnh Tr), cho rằng số tiền mà vợ ông cho bà Y vay là tài sản riêng của bà P nên không có ý kiến hay yêu cầu gì và từ chối tham gia tố tụng ở tất cả các giai đoạn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án xác định ông Đ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ nên không đưa ông Đ tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp vay tài sản giữa bà P với bà Y.

[1.2]. Nguyên đơn, bà Huỳnh Ngọc P, có ông Hồ Văn Ph đại diện ủy quyền; Bà Nguyễn Phương Hồng Y và ông Cao Văn A cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Giữa bà P với bà Y có thực hiện vay tiền với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì phát sinh tranh chấp nên bà P có đơn khởi kiện bà Y tại Tòa án nhân dân quận T.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà P và ý kiến của bà Y, ông An, Xét thấy:

[2.1]. Căn cứ vào bảng “Chi tiết giao dịch” và bảng phô tô “Diễn giải” do bà P cung cấp đã thể hiện, từ ngày 21/11/2022 đến ngày 23/7/2023, bà P đã có 40 lần chuyển tiền cho bà Y với số tiền là 1.209.800.000 đồng và bà Y đã chuyển trả cho bà P từ ngày 28/11/2022 đến ngày 26/8/2023 là 81 lần với số tiền 652.200.000 đồng. Đến ngày 13/3/2024, qua làm việc tại Biên bản hòa giải, đôi bên đã thống nhất và cùng xác định số tiền bà Y còn nợ của bà P, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền mà bà Y đã vay và còn nợ bà P, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu của bà P buộc bà Y phải trả số tiền vay còn nợ là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ nên chấp nhận.

Bà P cho rằng số tiền đã cho bà Y vay là tài sản riêng của bà và cho riêng cá nhân bà Y vay nên yêu cầu cá nhân bà Y phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã vay còn nợ nói trên. Xét thấy, ý kiến của bà P là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[2.2]. Bà Nguyễn Phương Hồng Y thừa nhận có vay tiền của bà P và đã thường xuyên trả lãi, nợ gốc cho bà P với hình thức chuyển tiền qua tài khoản của nhau. Bà cũng cho rằng, thời gian đầu, vay tiền của bà P với mức lãi suất là 8%/tháng, sau đó là 10%/tháng, 15%/tháng, 20%/tháng và có lúc tăng lên 30%/tháng. Trong lúc khó khăn, bà P liên tục nhấn tin hối thúc trả tiền nên giữa đôi bên có mâu thuẫn và không chốt được số tiền vốn gốc. Bà cũng có xin bà P cho thời gian để đi làm trả nợ nhưng không được chấp nhận. Bà xác định, hiện nay còn nợ số tiền đã vay của bà P, tổng cộng là 500.000.000 đồng và xin trả dần số tiền còn nợ nói trên trong thời hạn 06 (sáu) năm và trả theo khả năng, mỗi tháng trả từ 01 đến 02 triệu đồng, đến khi bà ổn định lại kinh tế sẽ trả tăng lên.

Xét thấy, bà Y cho rằng khi vay tiền của bà P, thời gian đầu, với mức lãi suất là 8%/tháng, sau đó là 10%/tháng, 15%/tháng, 20%/tháng và có lúc tăng lên 30%/tháng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, qua các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải, bà Y không cung cấp được các chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã trả theo mức lãi suất nói trên, đồng thời phía bà P cũng không xác định được mức lãi suất cho vay, do đó không có căn cứ xác định được số tiền lãi và mức lãi suất mà các bên đã thực hiện giao dịch. Vì vậy, đối với ý kiến cho rằng đã vay tiền với mức lãi suất là 8%/tháng, sau đó là 10%/tháng, 15%/tháng, 20%/tháng và có lúc tăng lên 30%/tháng của bà Y là không có căn cứ xem xét.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, bà Y cũng đã xác nhận còn nợ bà P tổng cộng số tiền là 500.000.000 đồng nên có cơ sở xác định số tiền bà Y còn nợ bà P, tổng cộng là 500.000.000 đồng. Bà Y cũng có yêu cầu, xin trả dần số tiền nợ nói trên cho bà P trong thời hạn 06 (sáu) năm và trả theo khả năng, mỗi tháng trả từ 01 đến 02 triệu đồng cho đến khi bà ổn định lại kinh tế sẽ trả tăng lên, yêu cầu này của bà Y không được phía nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu xin trả dần số tiền còn nợ của bà Y là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Ông Cao Văn A có ý kiến là không biết việc vay tiền giữa vợ ông là bà Y với bà P và ông chỉ biết được khi giữa đôi bên có xảy ra tranh chấp việc vay tiền. Ông khẳng định không liên quan gì trong việc cho vay tiền giữa bà P với bà Y, ý kiến của ông A cũng được sự thừa nhận của phía bà P và bà Y. Do đó, ý kiến cho rằng không liên quan gì trong việc cho vay tiền giữa bà P với bà Y của ông A là có cơ sở nên ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì bà Y chịu trách nhiệm trả tiền cho bà P nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 500.000.000 đồng. Bà Y phải chịu án phí là 24.000.000 đồng.

Bà P không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.152.000 đồng theo biên lai thu số 0027278 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc P.

Buộc bà Nguyễn Phương Hồng Y có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Ngọc P số tiền vay còn nợ là 500.000.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Huỳnh Ngọc P có yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Phương Hồng Y chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí DSST:

2.1. Bà Nguyễn Phương Hồng Y phải chịu án phí là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

2.2. Bà Huỳnh Ngọc P không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả cho bà Huỳnh Ngọc P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.152.000 (Mười ba triệu một trăm năm mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu số 0027278 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- CC THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP (Nh).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Th